BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI PHÂN HIỆU TẠI THÀNH PHỐ HỎ CHÍ MINH



BÁO CÁO ĐỒ ÁN ĐỀ TÀI: QUẢN LÝ NHÀ SÁCH FAHASA

Giáo viên hướng dẫn: Nguyễn Thị Anh Thư

Sinh viên thực hiện:

Hoàng Minh Tài MSV: 6051071102

Nguyễn Hoàng Hiệp MSV: 6051071147

Cao Lâm Bảo Khanh MSV: 6051071056

Lớp: CQ.60.CNTT

TP. Hồ Chí Minh, năm 2021

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI PHÂN HIỆU TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHIỆM VỤ BÁO CÁO MÔN: LẬP TRÌNH TRỰC QUAN

_____***____

Họ và tên: Hoàng Minh Tài MSSV: 6051071102

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Hiệp MSSV: 6051071147

Họ và tên: Cao Lâm Bảo Khanh MSSV: 6051071056

Khóa: 60 **Lóp:** CQ.60.CNTT

1. Tên đề tài

XÂY DỰNG PHÀN MÈM QUẢN LÝ NHÀ SÁCH FAHASA

2. Muc đích

Ngày nay, CNTT đã và đang đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội của nhiều quốc gia trên thế giới, là một phần không thể thiếu trong xã hội năng động, ngày càng hiện đại hoá. Vì vậy, việc tin học hoá vào một số lĩnh vực là hoàn toàn có thể và phù hợp với xu hướng hiện nay.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế đó, trong công việc mua và bán sản phẩm như sách, đồ dùng học tập,đồ lưu niệm..., việc quản lý nhập và bán là một việc không thể thiếu. Nhằm thay thế một số công việc mà trước đó phải thao tác bằng tay trên giấy tờ đạt hiệu quả không cao, mất nhiều thời gian. Vì vậy, chúng em đã thực hiện báo cáo với đề tài "Quản lý nhà sách FAHASA".

3. Công nghệ, công cụ và ngôn ngữ lập trình

- Ngôn ngữ: C#.
- Công cụ: Visual Studio 2019.
- SQL Server 2019 Management Studio.

- GUNA UI framework.

4. Các kết quả chính dự kiến sẽ đạt được

- Xây dựng thành công phần mềm quản lý nhà sách FAHASA.

5. Giáo viên và cán bộ hướng dẫn

- Giảng viên: Nguyễn Thị Anh Thư.
- Đơn vị công tác: Trường Đại học Giao thông Vận tải phân hiệu tại Thành phố
 Hồ Chí Minh.

Giảng viên hướng dẫn

Nguyễn Thị Anh Thư

LÒI CẨM ƠN

Lời đầu tiên, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Trường Đại học Giao Thông Vận Tải - Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ngành Công nghệ thông tin vào chương trình đào tạo. Đặc biệt là quý thầy, cô giáo trong Bộ môn Công nghệ thông tin – những người đã dành cả tâm huyết để chỉ dạy và truyền đạt những kiến thức, kinh nghiệm của mình cho chúng em.

Trong những năm học tập tại trường, với những gì thầy cô truyền đạt, bản thân em đã tiếp thu được những kiến thức cơ bản các môn học và ngày càng hiểu rõ về ngành mà em đã lựa chọn. Không những thế, dưới mái trường này, em còn được học những kỹ năng mà có lẽ nó sẽ giúp em không ít trong sự nghiệp tương lai. Để hoàn thành được báo cáo này, em xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc đến cô Nguyễn Thị Anh Thư, giáo viên dạy bộ môn Lập trình trực quan, người đã trực tiếp hướng dẫn, dìu dắt, giúp đỡ chúng em với những chỉ dẫn khoa học quý giá trong suốt quá trình triển khai, nghiên cứu và hoàn thành báo cáo. Như người ta thường nói, người thầy như một nhà làm vườn, đêm ngày ươm trồng chăm sóc cho hạt giống của mình mong sao chúng có thể lớn nhanh để có ích cho đời. Hạt giống mà thầy cô gieo trồng chính là hạt giống tâm hồn – sự nghiệp trồng người. Cảm ơn thầy đã cho chúng em thứ tài sản vô giá, là hành trang vững chắc để chúng em có thể bước từng bước vào cuộc sống đầy chông gai và thử thách của cuộc sống.

Do kiến thức còn hạn chế và khả năng tiếp thu chưa được hoàn hảo nên chúng em khó tránh được những sai sót trong quá trình làm bài. Mong thầy/cô thông cảm và góp ý thêm cho bài báo cáo nhóm em.

Sau cùng, em xin kính chúc quý thầy cô trong Bộ môn Công nghệ thông tin và toàn thể quý thầy cô đang giảng dạy tại Trường Đại học Giao Thông Vận Tải - Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh lời chúc sức khỏe, luôn hạnh phúc và thành công hơn nữa trong công việc cũng như cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn!

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN

•••••	•••••	••••••	•••••		•••••	••••••	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •		•••••	•••••
•••••	•••••	•••••	•••••		•••••		•••••		•••••	•••••
•••••	•••••		•••••		•••••				•••••	•••••
•••••	•••••		•••••		•••••				•••••	•••••
•••••	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	•••••	•••••	••••••	•••••	••••••	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	•••••	
•••••	•••••	•••••	•••••		•••••	••••••	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •		•••••	•••••
•••••	•••••	•••••	•••••		•••••	••••••	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •		•••••	•••••
•••••										•••••
•••••	•••••	•••••	•••••		•••••	••••••	•••••		•••••	•••••
•••••	•••••	•••••	•••••		•••••		•••••		•••••	•••••
•••••	•••••		•••••		•••••				•••••	•••••
•••••	•••••		•••••		•••••				•••••	•••••
•••••										
•••••	•••••		•••••			•••••	•••••			
					•••••					

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

Giảng viên hướng dẫn

Nguyễn Thị Anh Thư

MỤC LỤC

Contents

Chươ	ng I: Phiếu phỏng vấn tổng quát	1
1)	Khảo sát tổng quát	1
a	ı) Nội dung phỏng vấn	1
b	o) Bảng tổng hợp công việc	1
2)	Kế hoạch phỏng vấn	1
Chươ	ng II: Nội dung khảo sát	3
1)	Mô tả hệ thống	3
2)	Liệt kê chức năng	3
a	Chức năng quản lý nhân viên, chấm công	3
b	o) Chức năng quản lý sản phẩm	4
c	c) Chức năng quản lý sản phẩm(đối với nhân viên)	4
d	l) Chức năng quản lý hóa đơn	4
e	e) Chức năng báo cáo thống kê	4
Chươ	ng III: Xây dựng biểu đồ phân rã chức năng	5
Chươ	ng IV: Xây dựng biểu đồ luồng dữ liệu DFD	5
1)	Biểu đồ luồng dữ liệu mức ngữ cảnh	5
2)	Biểu đồ luồng dữ liệu mưc đỉnh	5
3)	Biểu đồ luồng dữ liệu mức dưới	6
a	a) Biểu đồ quản lý nhân viên	6
b	o) Biểu đồ quản lý sản phẩm	6
c	e) Biểu đồ quản lý hóa đơn	7
Chươ	rng V: Sơ đồ Use case	7
1)	Phân tích bài toán	7
2)	Mối quan hệ giữa các Actor và Use case	8
3)	Xây dựng kịch bản cho Use case	8
Chươ	rng VI: Thiết kế cơ sở dữ liệu1	1
1)	Mô hình thực thể	1
2)	Mô hình quan hệ	2
3)	Mô hình relationships	2
4)	Từ điển dòng dữ liệu1	3
Chươ	rng VII: Thiết kế chương trình1	4
1)	Các form trong chương trình	4

2)	Một số mẫu report	20
Chươ	ơng VIII: Tổng kết	22
1)	Kết quả đạt được	22
	Phương hướng phát triển	

Danh mục hình ảnh

Hình 1. Biểu đồ BFD	5
Hình 2. Biểu đồ DFD mức ngữ cảnh	5
Hình 3. Biểu đồ luồng dữ liệu mức đỉnh	6
Hình 4. Biểu đồ quản lý nhân viên	6
Hình 5. Biểu đồ quản lý sản phẩm	7
Hình 6. Biểu đồ quản lý hóa đơn	
Hình 7. Sơ đồ Use case	
Hình 8. Mô hình thực thể 1	11
Hình 9. Mô hình thực thể 2	11
Hình 10. Diagram relationships 1.	12
Hình 11. Diagram relationships 2.	13
Hình 12. Form đăng nhập	14
Hình 13. Form trang chủ	15
Hình 14. Form quản lý nhân viên	15
Hình 15. Form chấm công	16
Hình 16. Form quản lý sách	16
Hình 17. Form quản lý sản phẩm khác	17
Hình 18. Form quản lý nhà xuất bản/ thể loại	17
Hình 19. Form báo cáo thống kê	18
Hình 20. Form trang chủ của nhân viên	18
Hình 21. Form tìm kiếm sách(cho nhân viên)	19
Hình 22. Form tìm kiếm sản phẩm(cho nhân viên)	19
Hình 23. Form xuất hóa đơn bán	20
Hình 24. Report hóa đơn	
Hình 25. Report hóa đơn chi tiết	21
Hình 26. Report báo cáo doanh thu	21

Chương I: Phiếu phỏng vấn tổng quát

1) Khảo sát tổng quát

- a) Nội dung phỏng vấn
- Cách thức quản lý nhân viên, chấm công, trả lương nhân viên.
- Cách thức quản lý sản phẩm.
- Cách thức thống kê, báo cáo.
- b) Bảng tổng hợp công việc

STT	Mô tả công việc	Vị trí làm việc	Tần suất
1	Lập phiếu tính	Quản lý tiền công	1 phiếu/tháng
	lương: xuất phát từ		
	nhu cầu trả lương		
	cho nhân viên		
2	Lập hóa đơn: xuất	Quản lý hóa đơn	10-20 đơn/ngày
	phát từ yêu cầu báo		5-10 dòng/đơn
	giá cho khách hàng		
	và thống kê lượng		
	sản phẩm sau khi		
	đã bán.		

2) Kế hoạch phỏng vấn

Phiếu phỏng vấn			
Câu hỏi	Ghi chú		
Câu 1: Anh quản lý việc bán	Trả lời: Tôi thường có một quyển sổ riêng		
sản phẩm như thế nào?	để kiểm tra lượng sản phẩm bán ra.		
Câu 2: Để kiểm tra doanh số	Trả lời: Cũng không gặp khó khăn gì		
bán được mỗi ngày, mỗi tuần,	nhưng tốn thời gian hơi lâu. Phải dùng		
mỗi tháng thì anh có mất nhiều	máy tính cá nhân để tổng kết.		
thời gian không?			

Câu 3: Làm thế thế nào để anh	Trå lời:
biết được lượng hàng hoá luân	Hằng ngày, mỗi khi xuất hàng tôi đều ghi
chuyển, hàng hoá tồn kho?	chép lại vào sổ sách để kiểm tra số lượng
	sản phẩm bán được và còn tồn lại bao
	nhiêu.
Câu 4: Anh có thể cho biết	Nhập hàng:
thêm về kế hoạch xuất nhập	-Phải nắm được số lượng hàng tồn kho.
hàng hóa của cửa hàng?	-Lên kế hoạch nhập hàng trong tháng,
	quý, năm.
	-Tham khảo giá thị thường bằng cách đề
	nghị các công ty báo giá các mặt hàng.
	Xuất hàng:
	-Thủ kho khi xuất hàng phải có sổ theo
	dõi rõ ràng và ký nhận của người nhận.
	-Thường xuyên kiểm kê kho để chống
	mối mọt và phải nắm chắc số lượng hàng
	trong kho.
Câu 5: Việc quản lý nhân viên	Trả lời:
anh quản lý như thế nào, chấm	Mỗi ngày, tôi phải ghi chép vào sổ sách
công, trả lương ra sao?	để tính lương cho nhân viên.
Câu 6: Anh có gặp phải những	Trả lời:
khó khăn gì khi phải thực hiện	Có, việc cập nhật và lưu trữ các thông tin
các công việc trên bằng tay	của sách và khách hàng mất nhiều thời
hay không?	gian và công sức. Các việc lập hoá đơn,
	lập báo cáo,đều thực hiện bằng tay nên
	dễ sai sót
Câu 7: Anh nghĩ như thế nào	Trả lời: Tôi không biết nhiều về phần
nếu có một phần mềm giúp	mềm nhưng đối với tôi việc rút ngắn được
anh rút ngắn thời gian phải ghi	thời gian phải ghi chép và tính toán là rất
chép cũng như tính toán?	cần thiết

Đánh giá chung

- Chủ tiệm có lẽ chưa hài lòng với việc tốn rất nhiều thời gian cho bán cũng như thống kê doanh thu của cửa hàng.
- Khả năng chủ tiệm cần mua một phần mềm để quản lý nhà sách của mình là khá cao nhưng giá thành thì phải ở mức chấp nhận được vì đây là một chi nhánh nhỏ.

Chương II: Nội dung khảo sát

1) Mô tả hệ thống

Qua khảo sát thực tế tại nhà sách FAHASA chi nhánh Thủ Đức và một số tiệm sách khác, chúng tôi đã thu thập được một số dữ liệu sau đây:

- Người quản lý cần quản lý nhân viên cũng như là thông tin công việc của mỗi nhân viên. Khi nhân viên đi làm thì người quản lý điểm danh theo ngày, cuối tháng sẽ tính lương. Khi hàng hóa nhập về, người quản lý có nhiệm vụ nhập thông tin sản phẩm vào kho. Báo cáo doanh thu theo tháng, xuất file báo cáo.
- Khi khách hàng đến quầy thanh toán thì nhân viên bán hàng nhập thông tin sản phẩm vào hóa đơn để xuất ra hóa đơn. Nếu khách hàng muốn biết thông tin của sản phẩm thì nhân viên tìm kiếm theo yêu cầu.

2) Liệt kê chức năng

Chương trình có chức năng chính:

- Quản lý nhân viên, chấm công.
- Quản lý sản phẩm.
- Quản lý hóa đơn.
- Báo cáo thống kê.

a) Chức năng quản lý nhân viên, chấm công

Mô tả hoạt động:

- Nhập thông tin nhân viên.
- Hiển thị danh sách nhân viên.

- Cho phép thêm, sửa, xóa dữ liệu.
- Điểm danh nhân viên theo ngày để tính lương.

b) Chức năng quản lý sản phẩm

Mô tả hoạt động:

- Nhập thông tin sản phẩm.
- Cho phép thêm, sửa, xóa dữ liệu.
- Hiển thị thông tin sản phẩm.

c) Chức năng quản lý sản phẩm(đối với nhân viên)

Mô tả hoạt động:

- Tìm kiếm sản phẩm

d) Chức năng quản lý hóa đơn

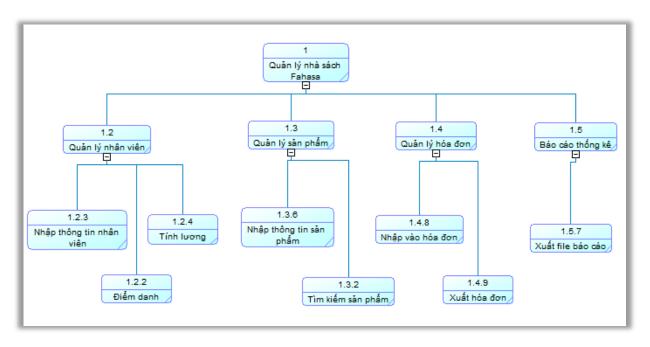
Mô tả hoạt động:

- Nhập hóa đơn.
- Cho phép thêm, sửa, xóa dữ liệu.
- Xuất hóa đơn.
- e) Chức năng báo cáo thống kê

Mô tả hoạt động:

- Báo cáo thống kê.

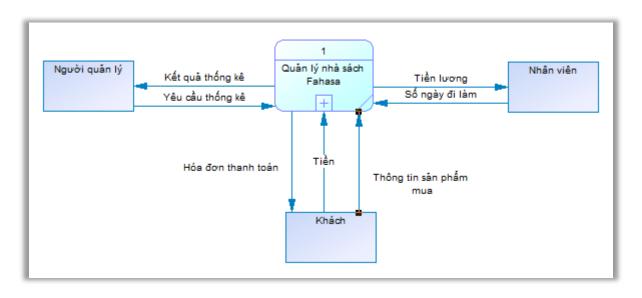
Chương III: Xây dựng biểu đồ phân rã chức năng



Hình 1. Biểu đồ BFD

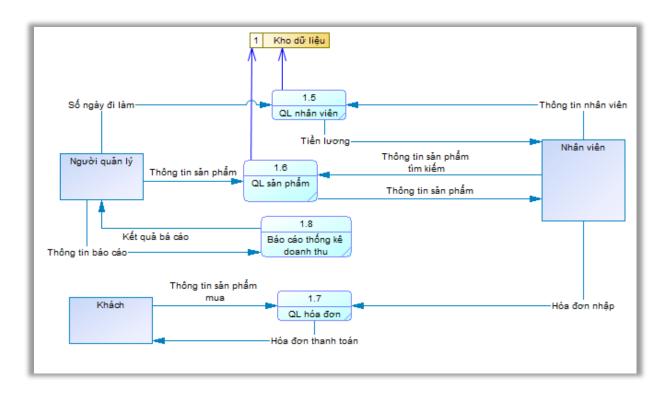
Chương IV: Xây dựng biểu đồ luồng dữ liệu DFD

1) Biểu đồ luồng dữ liệu mức ngữ cảnh



Hình 2. Biểu đồ DFD mức ngữ cảnh

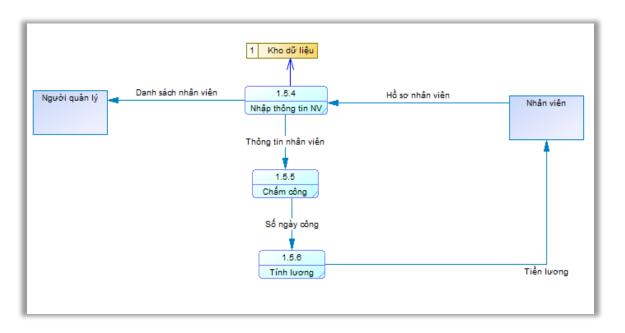
2) Biểu đồ luồng dữ liệu mức đỉnh



Hình 3. Biểu đồ luồng dữ liệu mức đỉnh

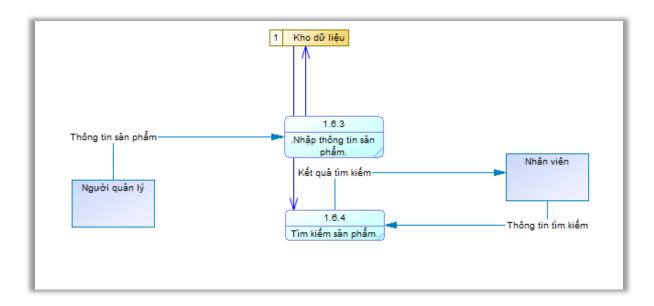
3) Biểu đồ luồng dữ liệu mức dưới

a) Biểu đồ quản lý nhân viên



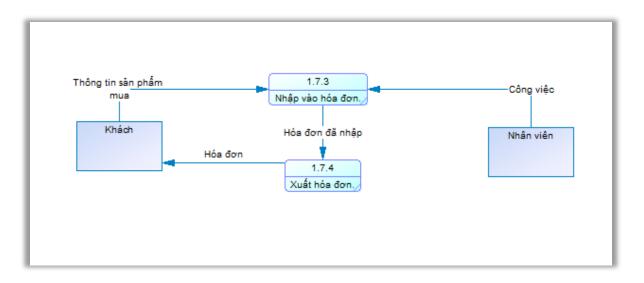
Hình 4. Biểu đồ quản lý nhân viên

b) Biểu đồ quản lý sản phẩm



Hình 5. Biểu đồ quản lý sản phẩm

c) Biểu đồ quản lý hóa đơn



Hình 6. Biểu đồ quản lý hóa đơn

Chương V: Sơ đồ Use case

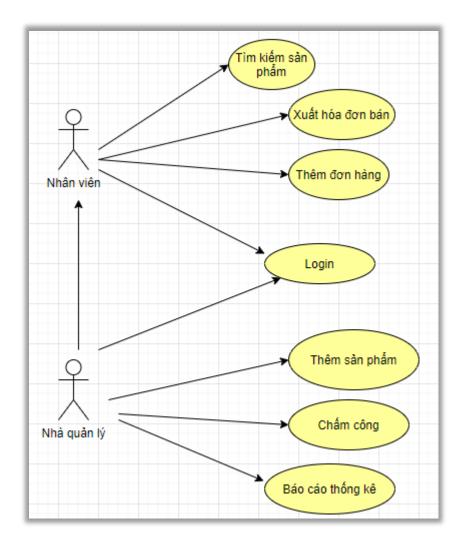
1) Phân tích bài toán

Hệ thống có 2 Actor chính là nhân viên và nhà quản lý.

- Các Use case mà nhân viên sử dụng gồm: đăng nhập, tìm kiếm sản phẩm,
 xuất hóa đơn, thêm đơn hàng, in đơn bán hàng.
- Các Use case mà nhà quản lý sử dụng gồm: đăng nhập, quản lý nhân viên,
 quản lý sản phẩm, chấm công, tính tiền lương, báo cáo thống kê.

2) Mối quan hệ giữa các Actor và Use case

Hai Actor chính của hệ thống là Actor Nhà quản lý vá Actor Nhân viên. Hai Actor này sử dụng trực tiếp Use case của hệ thống.



Hình 7. Sơ đồ Use case

3) Xây dựng kịch bản cho Use case

a) Kịch bản Use case Tìm kiếm sản phẩm

Tên Use case	Tìm kiếm sản phẩm
Tên Actor	Nhân viên
Mức	1
Tiền điều kiện	Nhân viên phải đăng nhập hệ thống
Đảm bảo tối thiểu	
Đảm bảo thành công	
Kích hoạt	Nhân viên yêu cầu chức năng quản lý
	sản phẩm
Hành động tác nhân	Phản ứng hệ thống

1.Nhân viên yêu cầu thực	1.1. Hệ thống lấy về các thông tin
hiện chức năng	chuyên ngành
	1.2. Hiển thị lên giao diện.
2. Thực hiện chức năng tìm	2.1. Hệ thống lấy về các thông tin
kiếm sách	chuyên ngành
	2.2. Hiển thị lên giao diện
3. Thực hiện chức năng tìm	3.1. Hệ thống lấy về các thông tin
kiếm sản phẩm khác	chuyên ngành
_	3.2. Hiển thị lên giao diện

b) Kịch bản Use case Xuất hóa đơn

Tên Use case	Xuất hóa đơn
Tên Actor	Nhân viên
Mức	1
Tiền điều kiện	Đăng nhập vào hệ thống
Đảm bảo tối thiểu	
Đảm bảo thành công	
Kích hoạt	Nhân viên yêu cầu chức năng xuất hóa
	đơn
Hành động tác nhân	Phản ứng hệ thống
1.Thêm đơn hàng	1.1.Hệ thống lấy về các thông tin chuyên
	ngành
2.Nhập hàng hóa để xuất	2.1. Hệ thống lấy về các thông tin
	chuyên ngành
	2.2.Xác nhận đơn hàng
	2.3.Hiển thị lên giao diện
	2.4.Xuất hóa đơn

c) Kịch bản Use case Thêm sản phẩm

Tên Use case	Thêm sản phẩm	
Tên Actor	Nhà quản lý	
Mức	1	
Tiền điều kiện	Đăng nhập vào hệ thống	
Đảm bảo tối thiểu		
Đảm bảo thành công		
Kích hoạt	Chức năng quản lý sản phẩm	
Hành động tác nhân	Phản ứng hệ thống	
1.Thêm sách	1.1. Hiển thị giao diện	
	1.2.Thực hiện các thao tác CRUD	
2.Thêm sản phẩm khác	2.1. Hiển thị giao diện	
	2.2. Thực hiện các thao tác CRUD	

d) Kịch bản Use case Chấm công

Tên Use case	Chấm công
Tên Actor	Nhà quản lý
Mức	1
Tiền điều kiện	Đăng nhập hệ thống
Đảm bảo tối thiểu	
Đảm bảo thành công	
Kích hoạt	Chức năng chấm công
Hành động tác nhân	Phản ứng hệ thống
1.Điểm danh nhân viên đi làm	1.1.Hệ thống lấy thông tin chuyên ngành
	1.2.Lấy dữ liệu ngày, tháng, năm
	1.3.Xác nhận
2.Tính lương	2.1 Hệ thống lấy thông tin chuyên ngành
	2.2.Lấy thông tin ngày tính lương
	2.3.Hiển thị kết quả

e) Kịch bản Use case Quản lý nhân viên

Tên Use case	Quản lý nhân viên
Tên Actor	Nhà quản lý
Mức	1
Tiền điều kiện	Đăng nhập vào hệ thống
Đảm bảo tối thiểu	
Đảm bảo thành công	
Hành động tác nhân	Phản ứng hệ thống
1.Thêm, xóa, sửa nhân viên	1.1.Hiển thị giao diện
	1.2.Lấy thông tin dữ liệu lưu trữ
	1.3.Xác nhận thao tác

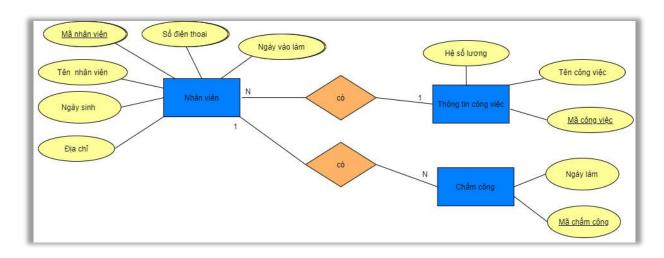
f) Kịch bản Use case Báo cáo thống kê

Tên Use case	Báo cáo thống kê
Tên Actor	Nhà quản lý
Mức	1
Tiền điều kiện	Đăng nhập hệ thống
Đảm bảo tối thiểu	
Đảm bảo thành công	
Hành động tác nhân	Phản ứng hệ thống

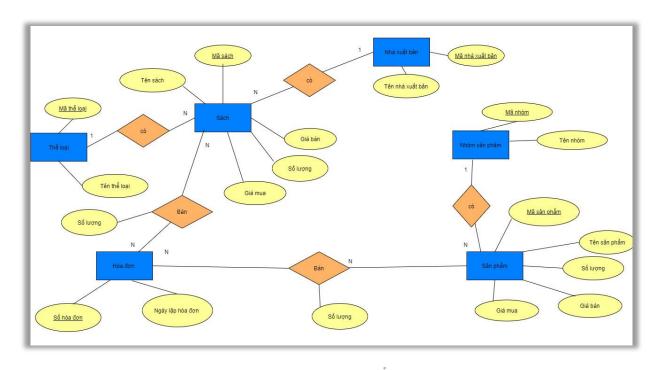
1.Báo cáo nhập/xuất	1.1.Hệ thống lấy thông tin chuyên ngành 1.2.Xuất report
2.Báo cáo doanh thu	2.1.Hệ thống lấy thông tin chuyên ngành 2.2.Xuất báo cáo

Chương VI: Thiết kế cơ sở dữ liệu

1) Mô hình thực thể



Hình 8. Mô hình thực thể 1

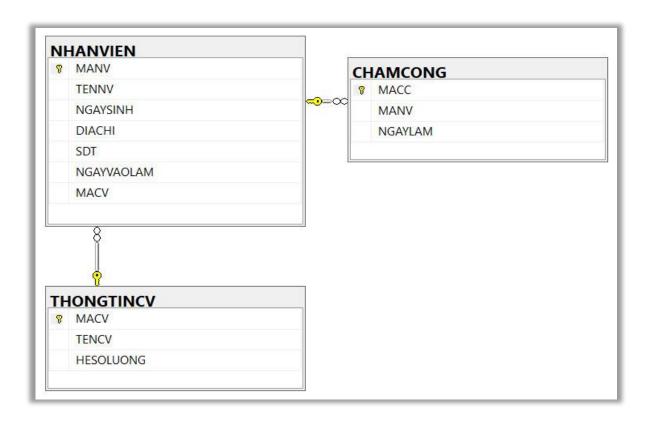


Hình 9. Mô hình thực thể 2

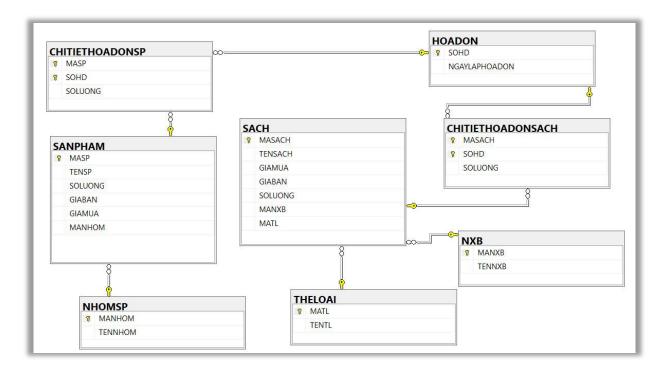
2) Mô hình quan hệ

- NHANVIEN(<u>MANV</u>, TENNV, NGAYSINH, DIACHI, SDT, NGAYVAOLAM, MACV).
- THONGTINCV(MACV, TENCV, HESOLUONG).
- CHAMCONG(MACC, MANV, NGAYLAM).
- SANPHAM(<u>MASP</u>, TENSP, SOLUONG, GIABAN, GIAMUA, MANHOM).
- NHOMSP(MANHOM, TENNHOM).
- SACH(MASACH, TENSACH, MANXB, MATL, GIAMUA, GIABAN, SOLUONG).
- NXB(MANXB, TENNXB).
- THELOAI(MATL, TENTL).
- HOADON(SOHD, NGAYLAPHD).
- CHITIETHOADONSACH(MASACH, SOHD, SOLUONG).
- CHITIETHOADONSP(MASP, SOHD, SOLUONG).

3) Mô hình relationships



Hình 10. Diagram relationships 1.



Hình 11. Diagram relationships 2.

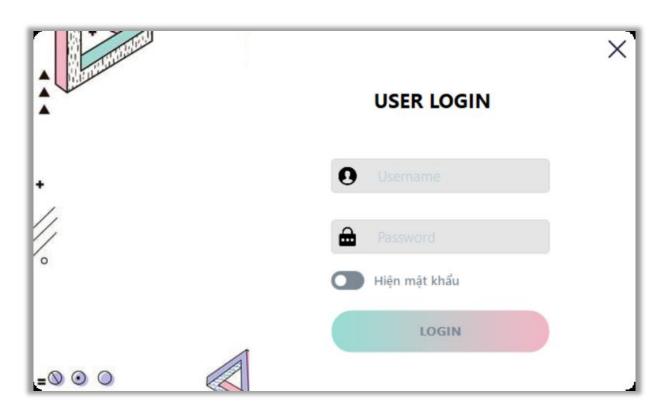
4) Từ điển dòng dữ liệu

- a. Mỗi nhân viên phải có một mã nhân viên để phân biệt tên nhân viên,
 ngày sinh, địa chỉ, số điện thoại, ngày vào làm, mã công việc.
- b. Mỗi thông tin công việc phải có một mã công việc để phân biệt tên công việc, hệ số lương.
- c. Khi chấm công phải có mã chấm công để phân biệt mã nhân viên, ngày làm.
- d. Mỗi sản phẩm phải có mã sản phẩm để phân biệt tên sản phẩm, số lượng, giá bán, giá mua, mã nhóm.
- e. Mỗi nhóm sản phẩm phải có mã nhóm để phân biệt tên nhóm.
- f. Mỗi cuốn sách phải có mã sách để phân biệt tên sách, mã nhà xuất bản, mã thể loại, giá mua, giá bán, số lượng.
- g. Mỗi nhà xuất bản phải có mã nhà xuất bản để phân biệt tên nhà xuất bản.
- h. Mỗi thể loại phải có mã thể loại để phân biệt tên thể loại.
- i. Mỗi hóa đơn phải có mã hóa đơn để phân biệt ngày lập hóa đơn.
- Mỗi chi tiết hóa đơn sách phải có mã sách và số hóa đơn để phân biệt số lượng

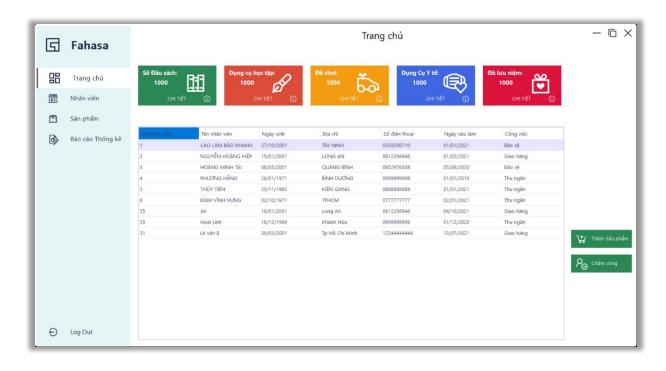
 k. Mỗi chi tiết hóa đơn sản phẩm phải có mã sản phẩm và số hóa đơn để phân biệt số lượng.

Chương VII: Thiết kế chương trình

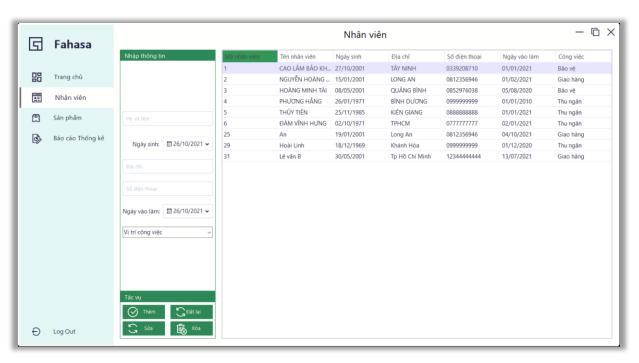
1) Các form trong chương trình



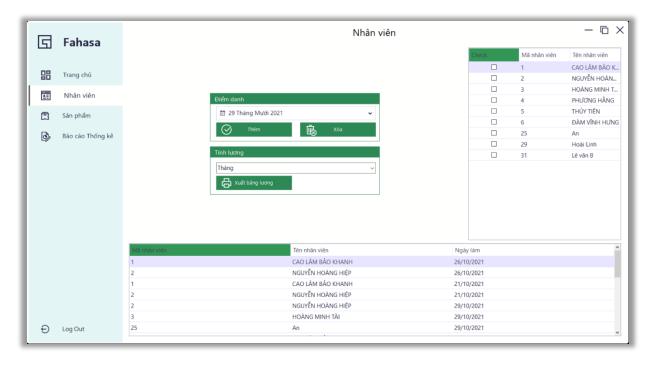
Hình 12. Form đăng nhập



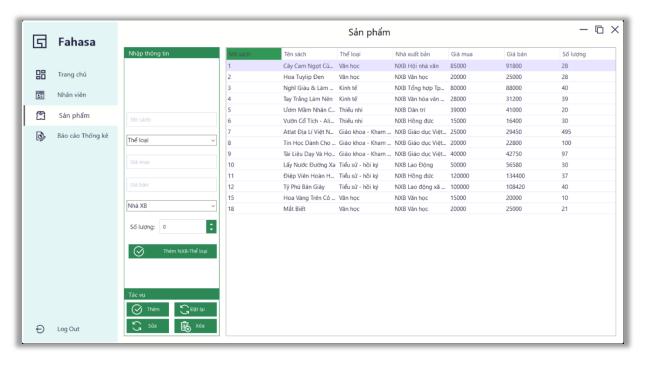
Hình 13. Form trang chủ



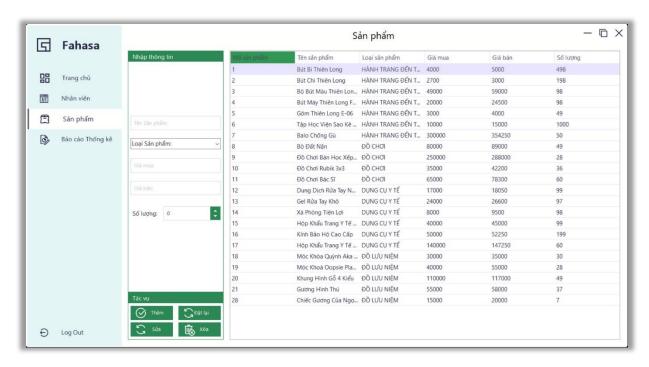
Hình 14. Form quản lý nhân viên



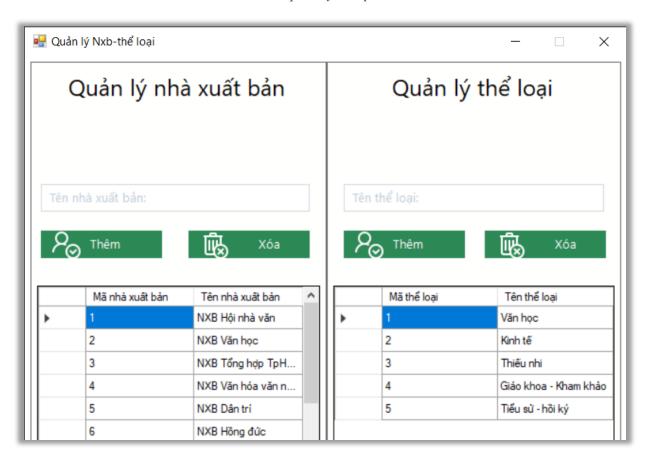
Hình 15. Form chấm công



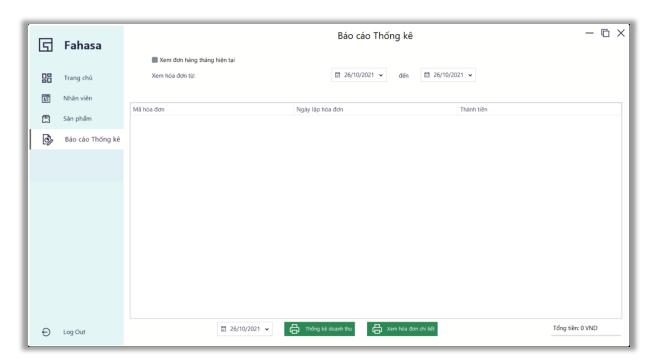
Hình 16. Form quản lý sách



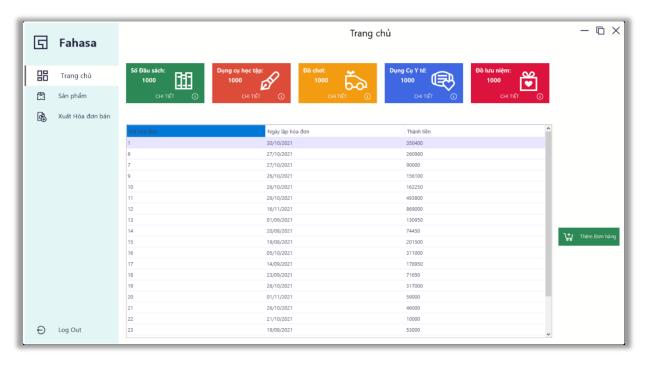
Hình 17. Form quản lý sản phẩm khác



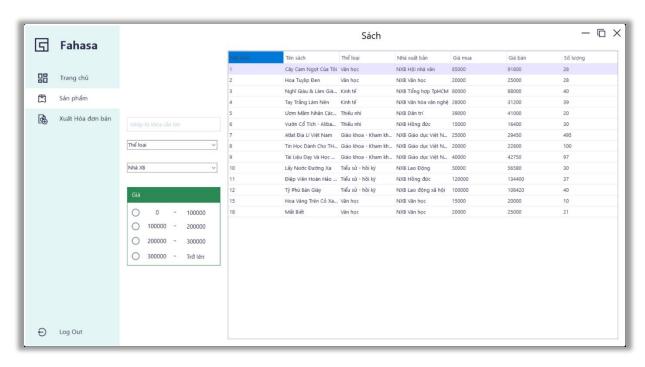
Hình 18. Form quản lý nhà xuất bản/ thể loại



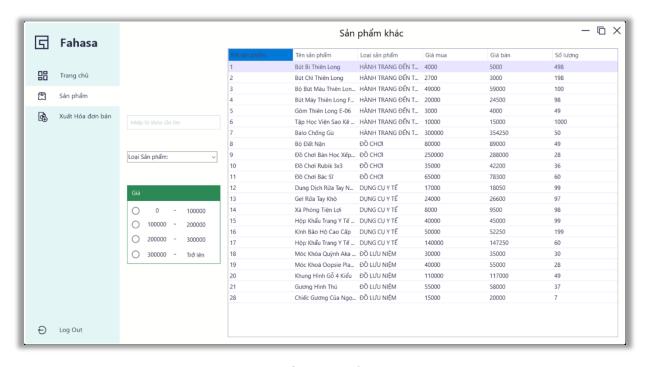
Hình 19. Form báo cáo thống kê



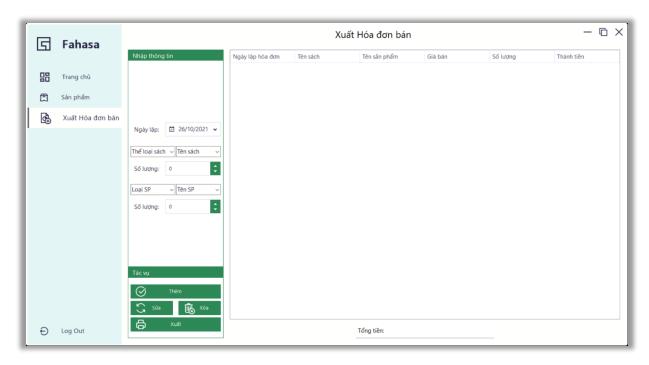
Hình 20. Form trang chủ của nhân viên



Hình 21. Form tìm kiếm sách(cho nhân viên)

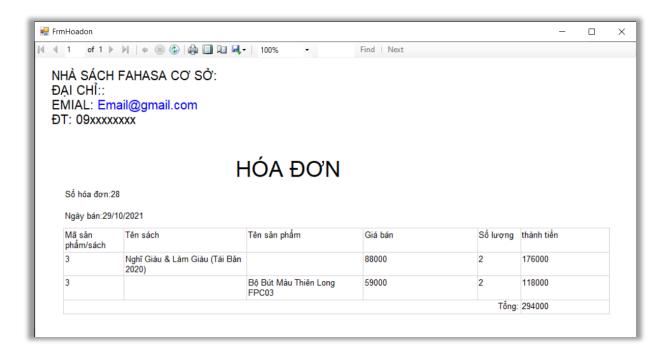


Hình 22. Form tìm kiếm sản phẩm(cho nhân viên)

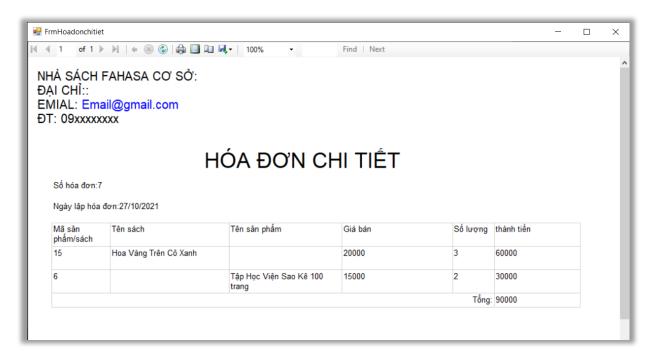


Hình 23. Form xuất hóa đơn bán

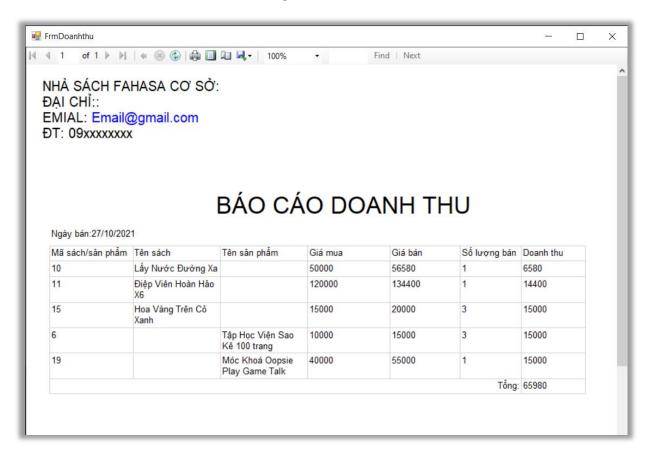
2) Một số mẫu report



Hình 24. Report hóa đơn



Hình 25. Report hóa đơn chi tiết



Hình 26. Report báo cáo doanh thu

Chương VIII: Tổng kết

1) Kết quả đạt được

- Hoàn thành các chức năng theo yêu cầu về quản lý sản phẩm, quản lý nhân viên, chấm công, quản lý hóa đơn và báo cáo thống kê.
- Ưu điểm:
 - + Giao diện dễ nhìn và thân thiện với người dùng.
 - + Các thuộc tính và nút bấm rõ ràng, dễ hiểu.
- Nhược điểm:
 - + Chưa quản lý thông tin sản phẩm, nhân viên một cách chi tiết.
 - + Chưa có áp dụng các chương trình giảm giá, khách hàng thân thiết.

2) Phương hướng phát triển

- Áp dụng các chương trình giảm giá sản phẩm.
- Quản lý nhân viên biên chế, nhật công.
- Quản lý tài khoản đăng nhập hệ thống.

Tài liệu tham khảo

- Slide môn lập trình trực quan Nguyễn Thị Anh Thư.
- https://docs.microsoft.com